TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 360/2019/QĐST-HNGĐ	V, ngày 20 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đĩnh thụ lý số: 458/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993. Nơi ĐKHKTT: Khu 7, xó H, thành phố V, tỉnh P. Chỗ ở hiện nay: Khu 7, X, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

* Bị đơn: Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKTT: Khu 7, xó H, thành phố V, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đĩnh;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 thỏng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Cụng nhận sự thuận tĩnh ly hụn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lê Minh Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị N và anh Đ đều xác định vợ chồng có ba con chung là Lê Thị Phương M, sinh ngày 01/01/2012; Lờ Anh T, sinh ngày 23/5/2015; Lờ Ngọc Á, sinh ngày 16/11/2018. Chị N và anh Đ thỏa thuận chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giỏo dục con chung là Lê Ngọc Á và anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Lờ Anh T và Lờ Thị Phương M. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N và anh Đ cựng cỏc thành viờn trong gia đĩnh khụng được cản trở nhau trong việc gặp gỡ và thăm nom con chung.

- Về tài sản chung, cụng nợ, cụng sức đóng góp: Chị N và anh Đ đều xác định không có, không đề nghị Tũa ỏn giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghĩn đồng). Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000391 ngày 08/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Hoàn lại cho chị Ngân 150.000đ (Một trăm

năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"*Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thỡ người được thi hành án dân sự, người phải thi* hành *án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự - sửa đổi, bổ sung năm 2014*"./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS TP. VT;
- UBND xã H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Anh T